TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 10/8/2023
V/v "Xin ly hôn và nuôi con chung"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Lâm Thanh Điền**
Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Ngô Rạng Đông**
2. Ông **Dương Tấn Đấu**

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông **Đặng Đình Toàn**- Thư ký Toà án nhân dân thành phố PQ, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc: Ông **Lê Văn Chung** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phú Quốc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 91/2023/TLST-HNGĐ, ngày 23/3/2023, về việc: ***"Xin ly hôn và nuôi con chung"***.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 77/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn*:** Anh **Nguyễn Đức T,** sinh năm 1987 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 5, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

**** Bị đơn***: Chị **Lê Kim Ph,** sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 1, phường An Thới, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải nguyên đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:***

Vào năm 2019 anh T và chị Lê Kim Ph tự tìm hiểu và yêu thương nhau chung sống vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn AT, huyện PQ (Nay là phường AT, thành phố PQ), tỉnh KG vào ngày 06/01/2020. Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 10/10/2019.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, anh T, chị Ph cũng đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau đây:

- Về hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với chị Lê Kim Ph

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 10/10/2019. Do cháu Đức Anh còn nhỏ và hiện đang sống cùng với chị Ph nên anh T giao cháu Đức A cho chị Ph là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi), anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng cho đến khi cháu Đức A đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- Về tài sản chung: Không có, Không yêu cầu tòa án giải quyết

- Về công nợ chung: Anh T cam kết trong quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

** Bị đơn chị Lê Kim Ph từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án chị Ph đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi nhận ý kiến của chị Ph được.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phú Quốc có ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán đúng quy định tại Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như: Xác định đúng quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, thu thập đầy đủ chứng cứ đúng quy định pháp luật, tống đạt các văn bản cho đương sự và giao hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn.

Về thụ lý vụ án: Đương sự nộp tiền tạm ứng án phí ngày 16/3/2023 đến ngày 23/3/2023 Tòa án mới ra Thông báo thụ lý vụ án để giải quyết là vi phạm khoản 3 Điều 195 BLTTDS quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa đúng trình tự theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Đối với nguyên đơn anh Nguyễn Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt anh Tùng.

Đối với bị đơn chị Lê Kim Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2 nhưng chị Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt chị Ph

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Đức T

- Về con chung: Anh T và chị Ph có 01 người con chung Nguyễn Đức A, sinh ngày 10/10/2019, anh T đồng ý tiếp tục giao cháu Đức A cho chị Ph là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành và hiện nay cháu Đức A đang sống cùng chị Ph nên đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình giao cháu Nguyễn Đức A cho chị Ph chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng đề nghị HĐXX chấp nhận.

- Về tài sản chung: Anh T cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

- Về công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận nghị án Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 BLTTDS năm 2015, nên HĐXX xét xử vắng mặt anh T.

Đối với bị đơn chị Lê Kim Ph đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ 2 để tham gia phiên tòa nhưng chị Ph vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị Ph.

[2] Về nội dung vụ án: Nguyên đơn anh Nguyễn Đức T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn và nuôi con chung. Quy định pháp luật để giải quyết vụ án này là Điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tại văn bản lời khai và các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 tình cảm vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, cải vã nhau, bất đồng ý kiến với nhau trong cuộc sống làm cho tình cảm vợ chồng rạn nứt, không có tiếng nói chung, không có hạnh phúc, anh T, chị Ph đã hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con chung nhưng không có kết quả mà

mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

[3] Về con chung: Anh T và chị Ph có 01 người con chung là Nguyễn Đức A, sinh ngày 10/10/2019, anh T đồng ý giao cháu Đức A cho chị Ph là người tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành và hiện nay cháu Đức Anh đang sống cùng chị Ph. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình HĐXX giao cháu Nguyễn Đức A cho chị Ph chăm sóc và nuôi dưỡng giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Nguyễn Đức T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ. Thời gian thực hiện bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và việc cấp dưỡng liên tục cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung: Anh T cho rằng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

***[6]* Về công nợ chung**: Anh T cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Đức T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức T về việc được ly hôn với chị Lê Kim Ph.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đức A, sinh ngày 10/10/2019 cho chị Ph là người tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Vì lợi ích mọi mặt của con chung khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận việc anh Nguyễn Đức T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ph với số tiền mỗi tháng là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố PQ. Thời gian thực hiện bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và việc cấp dưỡng liên tục cho đến khi cháu Đức A đủ 18 tuổi.

4. Về tài sản chung: Anh T cho rằng không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, Hội đồng xét xử miễn xét.

5. Về công nợ chung: Anh T cam kết trong suốt quá trình chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng. Nếu có phát sinh tranh chấp vợ chồng tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, Hội đồng xét xử miễn xét.

6.Về án phí:

Anh Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đối với án phí cấp dưỡng nuôi con chung thì nguyên đơn anh Nguyễn Đức T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng và yêu cầu Tòa án ghi nhận trong bản án nên anh T phải chịu 150.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung và được khấu trừ vào số tiền 600.000 đồng mà anh T đã nộp theo biên lai thu số 0006292, ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ. Anh T được nhận lại 150.000đồng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố PQ

Chị Lê Kim Ph không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết tại địa phương nơi cư trú để xin xét xử phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh KG.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh KG;
- VKSND thành phố PQ;
- Chi cục THA dân sự thành phố PQ;
- UBND phường AT, thành phố Phú Quốc, tỉnh KG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lâm Thanh Điền